

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Thông
- Ông Nguyễn Tấn Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1996. (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: Ấp B, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 12/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2014, anh và chị H qua quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống cùng gia đình. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cự cãi và hiện chị H bỏ về quê nhà ở Quảng Ngãi sinh sống, không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Mỹ H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, nhận thấy:

- Anh và chị H kết hôn năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2014 ngày 06/11/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời khai của anh T thì vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2023 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cự cãi và không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không phản đối yêu cầu ly hôn của anh. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những mâu thuẫn vợ chồng như anh đã nêu là những tình tiết anh không phải chứng minh. Như vậy giữa vợ chồng anh thật sự đã phát sinh những mâu thuẫn như nêu trên và hiện không còn chung sống, chị H cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm; bỏ mặc, không quan T đến việc giải quyết ly hôn tại Tòa án. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng T, cho anh T được ly hôn với chị Phan Thị Mỹ H.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013146 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như anh đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

